

Số: /BC-TTYT

Tp.Cao Lãnh, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO THỰC TRẠNG RĂNG HÀM MẶT NĂM 2024

(Báo cáo cập nhật đến ngày 20/11/2024)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

Thành phố Cao Lãnh là trung tâm của tỉnh Đồng Tháp, diện tích tự nhiên 107km² với tổng số dân là 180.637 người được phân chia thành 08 phường, 07 xã. Với vị thế trung tâm giao thương của tỉnh, nhưng phần lớn người dân sống bằng nghề nông, trình độ dân trí chưa đồng đều giữa nông thôn và thành thị, thu nhập người dân có được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với bình quân thu nhập trong khu vực.

1. Cơ cấu tổ chức

Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh là đơn vị Y tế xếp hạng 3, bao gồm 02 phòng (Hành chính - Tổng hợp; phòng Kế hoạch - Tài chính) 06 khoa và 15 TYT xã, phường. Tổng số nhân lực: 225 người (Trung tâm Y tế (TTYT): 86 viên chức; Trạm Y tế xã, phường: 139 viên chức; nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022NĐ-CP: 05 người).

2. Chức năng

1. Khám, cấp cứu, chữa bệnh, phục hồi chức năng về lĩnh vực chuyên ngành.

2. Đào tạo và tham gia đào tạo nhân lực y tế; chỉ đạo tuyến và tham gia phòng, chống dịch bệnh.

3. Nghiên cứu khoa học; triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại phục vụ người bệnh và phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. TTYT thành phố Cao Lãnh có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống bệnh xã hội, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản, truyền thông giáo dục sức khỏe; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

PHẦN II. KHÁM CHỮA BỆNH RĂNG HÀM MẶT

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN LỰC RHM

1. Cơ cấu tổ chức khu vực công lập

Bảng 1. Cơ cấu tổ chức khu vực công lập

Tt	Tên cơ sở răng hàm mặt	Cơ cấu tổ chức			Cơ cấu tổ chức khoa rhm		
		Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa có khoa rhm (x)	Bệnh viện chuyên khoa rhm (x)	Cơ sở Đào tạo (x)	Khoa rhm riêng biệt (x)	Thuộc Liên chuyên khoa (x)	Phòng khám rhm (x)
I	CÔNG (*)						
1	Trung tâm Y tế không có giường bệnh						
	Tổng (1)						

2. Cơ cấu tổ chức khu vực tư nhân

Bảng 2. Cơ cấu tổ chức khu vực tư nhân

Tt	Tên cơ sở Răng hàm mặt	Cơ cấu tổ chức			Cơ cấu tổ chức khoa rhm		
		Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa có khoa RHM (x)	Bệnh viện chuyên khoa RHM (x)	Cơ sở Đào tạo (x)	Khoa RHM riêng biệt (x)	Thuộc Liên chuyên khoa (x)	Phòng khám RHM (x)
I	TƯ (**)						
1							
	Tổng (1)						

Ghi chú:

(*) Các BVTW, BVĐK tỉnh, khu vực, huyện, thị xã, các Cơ sở đào tạo (Trường Đại học, Cao đẳng...), TTYT dự phòng huyện và các Trạm Y tế, BHYT, Hội Chữ Thập đỏ...

(**) Bệnh viện tư, Cơ sở đào tạo tư, Phòng khám tư ...

3. Nhân lực Răng Hàm Mặt

Bảng 3. Cơ cấu nhân lực hoạt động trong lĩnh vực RHM

Nhân lực hoạt động trong lĩnh vực rhm							
Khu vực công				Khu vực tư nhân			
Bs rhm		Đối tượng khác (điều dưỡng, y sỹ, ktv...)		Bs rhm		Đối tượng khác (điều dưỡng, y sỹ, ktv...)	
Có cchn	Chưa có cchn	Có cchn	Chưa có cchn	Có cchn	Chưa có cchn	Có cchn	Chưa có cchn
01		02					

Bảng 4. Tỷ lệ Bác sĩ RHM/số dân

TT	Tổng số BS RHM công (1)	Tổng số BS RHM tư (2)	Tổng số BS RHM Công + tư (3)	Tổng số BS RHM (1+2+3)	Tỷ lệ BS RHM/số dân
01	01	0	0	01	01/180.000

III. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RHM

1. Thực hiện các kỹ thuật theo Danh mục Phân tuyến kỹ thuật RHM ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT

Bảng 5. Thực hiện kỹ thuật theo Danh mục phân tuyến kỹ thuật

TÊN CƠ SỞ RĂNG HÀM MẶT	Xếp hạng bệnh viện	Kỹ thuật đã thực hiện đúng tuyến theo danh mục phân tuyến kỹ thuật RHM		Kỹ thuật đã thực hiện vượt tuyến theo danh mục phân tuyến kỹ thuật RHM	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2.CÁC ĐƠN VỊ KHÁC					
TTYT Thành phố Cao Lãnh	III	9/30	30%	0	0

Kê tên các kỹ thuật vượt tuyến: Không

2 .Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt

(Thời gian báo cáo từ 01/01/2024 đến 20/11/2024)

Bảng 6. Khám, chữa bệnh RHM

Tên cơ sở rhm	Số bn khám	Số ca Điều trị ngoại trú (nhổ răng, trám răng, điều trị tủy, lấy cao răng, phục hình răng...)	Số ca Điều trị nội trú (chấn thương, bệnh lý hàm mặt, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm...)	Số ca chuyển tuyến
TTYT Thành phố Cao Lãnh	118	29	0	89

Ghi chú:

(*) Bao gồm các BVTW, BVĐK tỉnh, khu vực, huyện, thị xã, Các cơ sở đào tạo (Trường Đại học, cao đẳng), TTYT dự phòng huyện và các trạm y tế, BHYT, Hội Chữ Thập đỏ...

(**) Bao gồm bệnh viện Tư nhân, cơ sở đào tạo Tư nhân, phòng khám tư nhân...

3. Nhận chuyển giao kỹ thuật từ Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương năm 2024

TÊN CƠ SỞ RHM	KHÔNG	CÓ	Số lượng kỹ thuật chuyển giao	Tên các kỹ thuật chuyển giao
TTYT Thành phố Cao Lãnh	X			

4. Triển khai phân tuyến kỹ thuật thực hiện công tác chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới năm 2024

Bảng 7. Chuyển giao kỹ thuật

Đơn vị thực hiện chuyển giao	Đơn vị nhận chuyển giao	Nội dung chuyển giao	Đối tượng/số người tham gia	Thời gian triển khai	Ghi chú

Ghi chú: BV tuyến tỉnh chuyển giao cho BV tuyến huyện, BV tuyến huyện chuyển giao cho BV tuyến xã,...

5. Các chương trình đào tạo, hợp tác quốc tế (liệt kê)

6. Đơn vị tham gia các hoạt động dự phòng răng miệng cộng đồng:

Có Không (x): lồng ghép

(Nếu có xin liệt kê các hoạt động)

PHẦN III. CHĂM SÓC SỨC KHOẺ RĂNG MIỆNG CỘNG ĐỒNG

I. CHĂM SÓC SỨC KHOẺ RĂNG MIỆNG TRẺ EM

Họ tên người phụ trách chương trình YTHĐ/ NHD tỉnh:

Chức danh nghề nghiệp:

Năm sinh: Giới tính: Điện thoại: ... Email: ...

Nơi công tác:

Kinh phí cho chương trình nha học đường

+ Nguồn kinh phí địa phương:

+ Nguồn kinh phí do Trung ương cấp:

+ Nguồn khác:

1. Tình hình nhân lực và trang thiết bị cho chương trình nha học đường

Tổng số trường học (Mẫu giáo và Tiểu học) trên địa bàn:

Tổng số trường học có Nha học đường trên địa bàn:

- Số lượng các trường thực hiện nội dung 1 chương trình NHD:

- Số lượng các trường thực hiện nội dung 2 chương trình NHD:

- Số lượng các trường thực hiện nội dung 3 chương trình NHD:

- Số lượng các trường thực hiện nội dung 4 chương trình NHD:

Bảng 8. Nhân lực làm công tác Nha Học Đường

Tổng số nhân sự làm công	Chứng chỉ hành	Chứng chỉ hành	Chưa có Chứng
---------------------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------

tác NHD (NV của CDC, BV, TTYT, NVYT trường học)	nghe thuộc Răng hàm mặt	nghe KHÔNG thuộc Răng hàm mặt	chỉ hành nghề

2. Trang thiết bị tại trường học

Bảng 9. Trang thiết bị tại trường học

Tổng số phòng nha trong trường học	Tình trạng phòng Nha học đường		Số ghế máy răng cố định		Số ghế máy răng lưu động		Bộ dụng cụ cơ bản cho nhổ răng, hàn răng, dự phòng	
	Còn hoạt động	Ngưng hoạt động	Tổng	Còn hoạt động	Tổng	Còn hoạt động	Tổng	Còn sử dụng

3. Trang thiết bị Tại trung tâm Y tế tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, xã

Bảng 10. Trang thiết bị tại Trung tâm y tế

Tổng số phòng nha của Trung tâm Y tế tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, xã.	Tình trạng phòng Nha		Số ghế máy răng cố định		Số ghế máy răng lưu động		Bộ dụng cụ cơ bản cho nhổ răng, hàn răng, dự phòng	
	Còn hoạt động	Ngưng hoạt động	Tổng	Còn hoạt động	Tổng	Còn hoạt động	Tổng	Còn sử dụng
TTYT Thành phố Cao Lãnh	X		2	1	0	0	7	7

4. Các nội dung hoạt động (Thời gian báo cáo từ 01/01/2024 đến 30/12/2024)

4.1. Tập huấn kiến thức Răng Hàm Mặt cơ bản và nghiệp vụ Nha học đường cho cán bộ NHD, cán bộ y tế trường học và Giáo viên

Bảng 11. Tập huấn cho cán bộ NHD, y tế trường học và Giáo viên

Stt	Nội dung	Số cán bộ nhđ và y tế trường học được tập huấn (1)	Số cán bộ hiện có (2)	Tỷ lệ (%) đáp ứng	Số cán giáo viên được tập huấn (3)	Số giáo viên hiện có (4)	Tỷ lệ (%) đáp ứng
1	Tập huấn chăm sóc, bảo vệ, quản lý sức khỏe răng miệng	(1)	(2)	(1)/ (2)	(3)	(4)	(3)/ (4)
2	Tập huấn sử dụng các phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá về sức khỏe răng miệng tại trường học	(1)	(2)	(1)/ (2)	(3)	(4)	(3)/ (4)
3	Kể tên phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá về sức khỏe răng miệng tại trường học đang sử dụng	1..... 2.....					

4.2. Triển khai các nội dung chương trình Nha học đường năm học 2023-2024

Bảng 12. Nội dung chương trình NHD

Nội dung hoạt động chương trình nha học đường			Trường			Học sinh		
			Số lượng trường thực hiện	Số lượng trường hiện có	Tỷ lệ (%) đáp ứng	Số lượng Thực hiện	Số lượng Hiện có	Tỷ lệ (%) đáp ứng
ND1	Giáo dục SKRM	Mẫu giáo	(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)
		Tiểu học	(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)
		THCS						
ND2	Súc miệng với NaF 0,2 %		(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)
	Chải răng với kem có	Mẫu giáo	(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)

Nội dung hoạt động chương trình nha học đường		Trường			Học sinh			
		Số lượng trường thực hiện	Số lượng trường hiện có	Tỷ lệ (%) đáp ứng	Số lượng Thực hiện	Số lượng Hiện có	Tỷ lệ (%) đáp ứng	
Fluor	Tiểu học	(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)	
	THCS							
ND3	Khám và chăm sóc dự phòng (bôi fluor, trám bít hố rãnh)	Khám, kiểm tra SKRM	(1)	(2)	(1) / (2)	(3)	(4)	(3) / (4)
ND4	Khám và điều trị sớm bệnh lý RM	Điều trị sớm	Số học sinh được điều trị (1)		Số học sinh cần được điều trị (2)		(1) / (2)	

4.3. Tổng số trường triển khai **hoạt động chải răng** tại trường học:

4.4. Tổng số trường học triển khai khám sức khoẻ răng miệng học sinh lồng ghép với khám sức khoẻ học sinh đầu năm:

4.5. Tổng số học sinh được khám sức khoẻ răng miệng (cùng với khám sức khoẻ chung đầu năm):

4.6. Tổng số chương trình phối hợp giữa cơ sở điều trị RHM với nhà trường:

II. CHĂM SÓC SỨC KHỎE RĂNG MIỆNG CHO NGƯỜI CAO TUỔI, BÀ MẸ MANG THAI, NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ PHÒNG KHÁC (nếu có)

Cán bộ phụ trách chương trình SKRM cộng đồng, người cao tuổi của tỉnh

Họ tên:

Chức danh nghề nghiệp:

Năm sinh: Giới tính: Điện thoại: Email:

Nơi công tác:

Kinh phí cho chương trình:

Nội dung hoạt động:

PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ

1. THUẬN LỢI

Được sự hỗ trợ của Sở Y tế Đồng Tháp và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp trong công tác khám, điều trị Răng hàm mặt.

2. KHÓ KHĂN: Không

3. ĐỀ XUẤT - KIẾN NGHỊ: Không.

Thông tin về người báo cáo

Họ tên: Dương Văn Vũ

Điện thoại: 0989490471

Email: duongvanvu00@gmail.com

Trên đây là báo cáo thực trạng Răng hàm mặt năm 2024 của Trung tâm y tế thành phố Cao Lãnh

Nơi nhận:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đồng Tháp (B/c);
- Website TTYT;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Dũng